

PHỤ LỤC SỐ II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Full Power

Năm báo cáo 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Full Power là một công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài ("FDI") được thành lập tại Việt Nam vào tháng 02 năm 2000 với ngành kinh doanh chính là xây dựng, thiết kế, sản xuất và kinh doanh bất động sản. Full Power là một trong những doanh nghiệp FIE đầu tiên được Bộ KH&ĐT chấp thuận cho chuyển đổi thành công ty cổ phần vào năm 2005.

Full Power cũng là doanh nghiệp FDI thứ ba tại Việt Nam được chấp thuận cho niêm yết trên HOSE. Tổng cổ phiếu được niêm yết trên HOSE tính đến ngày 31/12/2007 là 13.106.292 cổ phiếu trong tổng số 32.999.991 cổ phần đã phát hành.

2. Quá trình phát triển

+ **Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng

Full Power bắt đầu hoạt động kinh doanh xây dựng vào đầu năm 2000 và điều này đã tạo lập nên nền tảng kinh doanh của Full Power cho đến ngày nay. Full Power hoạt động tích cực trong hàng loạt các dự án xây dựng, bao gồm các dự án phát triển trong nước, thương mại và bán lẻ. Full Power đảm nhận vai trò là nhà thầu chính trong việc xây dựng nhà xưởng, lắp đặt hệ thống điện, nước và trang trí nội ngoại thất cho văn phòng, nhà xưởng,... Nhà đầu tư chỉ việc đem máy móc thiết bị vào sản xuất.

3. Định hướng phát triển

Hiện nay, đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các nhà đầu tư đến từ Đài Loan, Hàn Quốc. Trong thời gian tới, Công ty cũng có chiến lược mở rộng đối tượng khách hàng của Công ty gồm các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, các quốc gia Châu Âu.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2010:

- a. Hội đồng quản trị Full Power nhiệm kỳ năm 2010, trong thời gian nhiệm kỳ, đã tích cực cải thiện tình hình tài chính và điều chỉnh lại chiến lược kinh doanh của cty, trong tình hình thiếu tiền mặt, vẫn tích cực triển khai các hoạt động kinh doanh, tích cực

truy thu các khoản công nợ và thương thảo với các đối tác để chiết khấu giảm và trả nợ, hy vọng sớm ngày hồi phục khả năng kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của toàn thể các cổ đông.

b. Lợi nhuận sau thuế công ty bị thu lỗ 153,959,334,956 đồng, chủ yếu là do các nguyên nhân sau :

1. Trong năm chấp hành giảm biên chế và tắt toán các bộ phận không hiệu quả, đã phải trả các khoản chi phí thôi việc và chi phí liên quan.
2. Tắt toán các khoản không thu hồi được của các khoản phải thu công trình.
3. Tổn thất trượt giá do bán các thiết bị và tài sản.
4. Chi phí lãi vay các khoản vay nợ của công ty.

c. Hiện tại, công ty đã tiến hành và hoàn tất các mục tiêu sau:

1. Đóng hoặc thanh lý 12 công ty con hoạt động không hiệu quả và thua lỗ. Cố gắng giảm lỗ để tập trung toàn bộ vào Công ty mẹ, nhằm tăng cường hiệu suất quản lý, giảm chi phí giá thành để tăng thêm sức cạnh tranh trên thị trường.
2. Bán và chuyển nhượng nhà xưởng Bình Dương và Bắc Ninh, hoàn trả vay nợ 38 tỷ VNĐ cho ngân hàng Vietcombank CN Sóng Thần, giảm chi phí trả tiền lãi suất vay nợ cho công ty.
3. Tích cực thương thảo với các đối tác để chiết khấu trả nợ nhằm giảm tổng giá trị nợ của công ty.
4. Tích cực hoàn thành các dự án và hợp đồng xây dựng đã ký kết, thu hồi các khoản thu đợt cuối và khoản chi phí bảo hành. Đồng thời nhận thầu công trình mới đồng hành cùng chất lượng để từng bước xây dựng lại niềm tin của thị trường đối với Công ty cổ phần Full Power.
5. Tích cực thu hồi các khoản phải thu của Full Power.

d. Công ty Full Power có giấy phép kinh doanh nhiều lĩnh vực như: đầu tư xây dựng, xây dựng, công trình v.v..., đồng thời đã hoạt động kinh doanh tại thị trường Việt Nam lâu năm, hy vọng thông qua sự điều chỉnh cải thiện phương hướng và chiến lược kinh doanh sẽ sáng tạo cho công ty một triển vọng mới.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

+ Các chỉ tiêu về tình hình tài chính của doanh nghiệp:

Cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn	Năm 2010
Tài sản cố định/Tổng tài sản:	51,42%
Tài sản lưu động/Tổng tài sản:	48,58%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn:	46,78%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn:	54,12%
Khả năng thanh toán hiện hành:	2,14 lần
Khả năng thanh toán nhanh:	0,03 lần
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	(155,49)%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	(22,01)%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/N.Vốn chủ sở hữu:	(40,67)%

+ Giá trị sổ sách tính cho 1 cổ phần đến thời điểm 31/12/2010: 21,196 VNĐ/CP

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

LOẠI CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN
1. Cổ phiếu ưu đãi	0
2. Cổ phiếu phổ thông	32.999.991
Trong đó:	
+ Cổ phiếu đã niêm yết tại SGDCK TP.HCM	13.106.292
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	19.893.699

+ Những thay đổi về vốn góp: Không

+ Thặng dư vốn cổ phần của Công ty đến ngày 31/12/2010: 550.000.000.000 VNĐ

+ Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn năm 2010: Do báo cáo tài chính năm 2010 của đơn vị kiểm toán cho thấy niên khoá năm 2010 công ty đã thua lỗ nên năm 2010 công ty không chia cổ tức cho các thành viên góp vốn

+ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao trong năm 2010

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010 :

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2010	NĂM 2009	% thay đổi so với năm 2009
Tổng thu nhập	147.936.489.302	314.773.835.540	-53%
Tổng chi phí	301.895.824.258	608.114.946.529	-50%
Lợi nhuận sau thuế	-153.959.334.956	-293.341.110.989	+47.52%

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2011, HĐQT đã đề ra các kế hoạch để điều hành hoạt động kinh doanh như sau:

1- Mục tiêu doanh thu dự định 100 tỷ VND.

Vì hiện trạng vốn của Công ty, không có kế hoạch đầu tư mới vào năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2010	31/12/2009
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339.828.166.849	508.161.499.104
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.252.419.633	31.052.506.150
1. Tiền	111	V.1	4.352.419.633	31.052.506.150
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.900.000.000	

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		127.670.016.941	244.307.623.745
1. Phải thu khách hàng	131		23.244.619.967	94.402.112.104
2. Trả trước cho người bán	132		32.382.629.254	81.775.121.092
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.3	180.259.586.281	124.432.805.854
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(108.216.818.561)	(56.302.415.305)
IV. Hàng tồn kho	140		167.858.290.270	196.900.915.152
1. Hàng tồn kho	141	V.4	347.713.660.614	355.613.504.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(179.855.370.344)	(158.712.589.467)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.047.440.005	35.900.454.057
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.254.525	121.105.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.656.175.173	12.803.846.615
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	2.735.740.839	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.629.269.468	22.975.501.703
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		359.661.894.511	382.797.177.768
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.087.803.320	1.824.404.521
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	2.087.803.302	1.824.404.521
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

II. Tài sản cố định	220		46.882.697.686	64.815.214.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	34.387.499.269	51.579.694.931
- Nguyên giá	222		74.549.102.187	101.534.372.760
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(40.161.602.918)	(49.954.677.829)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	219.592.939	313.704.211
- Nguyên giá	225		470.556.331	470.556.331
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(250.963.392)	(156.852.120)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12.275.605.478	12.921.815.466
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		291.150.224.000	290.737.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13a		289.122.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13b	327.807.200.000	1.615.200.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(36.656.976.000)	
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		19.541.169.505	25.420.358.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	19.541.169.505	25.220.009.839
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	273		0	200.348.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		699.490.061.360	890.958.676.872

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2010	31/12/2009
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		327.192.527.672	381.484.744.573
I. Nợ ngắn hạn	310		327.137.776.466	381.429.993.367
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	87.344.514.577	119.825.896.152
2. Phải trả người bán	312		46.470.928.153	50.063.665.681
3. Người mua trả tiền trước	313		75.996.158.796	31.233.818.382
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.16	4.204.232.233	16.781.376.599
5. Phải trả người lao động	315		2.646.073.067	7.292.634.920
6. Chi phí phải trả	316	V.17	13.684.355.771	42.374.095.978
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		3.158.901.063	9.209.476.527
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.18	89.145.778.106	103.213.330.936
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.621.209.945	570.073.438
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		865.624.755	865.624.755
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		54.751.206	54.751.206
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	47.826.906	47.826.906
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6.924.300	6.924.300
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		378.542.472.409	516.032.293.968

I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	378.542.472.409	516.032.293.968
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		329.999.910.000	329.999.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		550.000.000.000	550.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ(*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(5.355.007.712)	(737.002.556)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.512.227.222	2.512.227.222
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.097.330.938	5.097.330.938
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(503.711.988.039)	(370.840.171.636)
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	500		(6.244.938.721)	(6.558.361.669)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		699.490.061.360	890.958.676.872

4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	2010	2009
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	99.020.322.630	256.000.968.882
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26	6.007.450	4.541.524.737
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	99.014.315.180	251.459.444.145
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	110.112.569.782	396.005.383.776

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(11.098.254.602)	(144.545.939.631)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	7.342.866.441	2.439.408.758
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	46.803.296.739	10.809.673.924
- Trong đó chi phí lãi vay :	23		10.097.070.735	9.343.022.490
8. Chi phí bán hàng	24			262.488.693
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		112.597.974.031	124.246.938.405
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(163.156.958.931)	(277.425.631.895)
11. Thu nhập khác	31	VI.31	41.579.307.681	60.874.982.637
12. Chi phí khác	32	VI.32	32.381.983.706	73.234.506.012
13. Lợi nhuận khác	40		9.197.323.975	(12.359.523.375)
14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(153.959.334.956)	(289.785.155.270)
16a. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33		2.652.227.343
16b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.34		903.728.376
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51-52)	60		(153.959.334.956)	(293.341.110.989)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(6.970.608.721)	(6.558.361.669)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(146.988.726.235)	(286.782.749.319)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.36	(4.454)	(8.690)

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	2010	2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(153.959.334.956)	(289.785.155.270)
<i>Điều chỉnh cho các khoản :</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.852.784.628	12.552.933.216
- Các khoản dự phòng	03	134.250.860.783	212.217.255.096
- Lãi(-), lỗ (+) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(1.416.963)	0
- Lãi(-), lỗ (+) từ hoạt động đầu tư	05	3.198.213.287	(23.504.657.946)

- Chi phí lãi vay	06	10.097.070.735	9.343.022.490
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.438.177.514	(79.176.602.414)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	28.497.128.100	108.380.418.436
- Tăng (-), giảm (+) tồn kho	10	7.899.844.005	(18.215.106.491)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(42.938.301.020)	(55.550.058.327)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	5.773.691.548	28.748.199.462
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.562.446.046)	(7.852.429.000)
- Thuế thu nhập đã nộp	14	(2.127.186.824)	(1.185.211.861)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	290.775.826	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.786.220.751)	(1.545.466.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(5.514.537.648)	(26.396.256.920)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.564.181.791)	(4.959.837.883)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	11.660.939.404	50.398.356.805
Tiền chi cho vay, bán lại các công cụ nợ	23		(36.330.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	8.670.000.000	14.905.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.105.881.818
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	210.716.274	99.883.832
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.977.473.887	26.219.284.572
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	725.670.000	
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17.351.280.904	180.035.459.620
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54.288.691.482)	(161.950.299.534)
Tiền chi trả nợ thu tài chính	35	(53.020.997)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.264.761.575)	18.085.160.086
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(22.801.825.336)	17.908.187.738
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.052.506.150	13.144.318.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.738.819	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.252.419.633	31.052.506.150

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học AISC

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN FULL POWER tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kiểm toán nội bộ

2.1. Kiến nghị cải thiện lại quy trình thu chi của Công ty. Các phòng ban nên xem trọng công tác tự kiểm tra tài liệu để tránh sai sót nhằm giảm bớt thời gian của khâu kiểm soát thu chi và nâng cao được hiệu quả công việc.

2.2. Sử dụng linh hoạt hệ thống thông tin kế toán tài vụ, để giảm thiểu công tác kế toán và tránh sai sót, đồng thời kết hợp với hệ thống ERP nhằm tổng hợp quản lý công tác kế toán tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả hơn.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính niên độ 2010 của Công ty đã được HĐQT phê duyệt, đã được Công ty kiểm toán AISC kiểm toán và đã được Ban kiểm soát phúc tra lại đều phù hợp với quy định của pháp luật, phản ánh một cách chính xác tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cổ phần Full Power tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

IV. Kết quả phối hợp làm việc của ban kiểm soát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý:

Thành viên Hội đồng quản trị đa số là cổ đông nước ngoài và sở hữu phần lớn cổ phần tại Công ty. Do vậy HĐQT đã không ngừng yêu cầu nâng cao thêm hiệu quả quản lý điều hành của Công ty, cố gắng trong công tác khai thác thị trường, tìm kiếm khách hàng, nhận thầu thêm nhiều công trình nhằm gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Tuy nhiên do ảnh hưởng của thị trường tài chính và thị trường bất động sản không thuận lợi nên trong năm 2010, tổng doanh thu thuần của công ty chỉ đạt 99.014.315.180 VND, giảm 60,6% so với năm trước, lợi nhuận giảm sút mạnh dẫn đến thua lỗ.

V. Đánh giá thái độ hợp tác giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông:

Trong suốt quá trình hoạt động của Ban kiểm soát, HĐQT và ban giám đốc đều phối hợp làm việc tốt, dưới nguy cơ ảnh hưởng kinh tế suy thoái các bên đã kịp thời điều chỉnh sách lược quản lý, đảm bảo công ty hoạt động bình thường trong năm 2010, đặt ra con đường triển vọng phát triển cho năm 2010.

VI. Các công ty có liên quan

- Hiện nay Công ty đang nắm giữ trên 50% vốn cổ phần tại các công ty sau: 12

1. Công ty TNHH Thịnh Phong

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 491023000009

Vốn điều lệ: 2.418.900.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp Thị Vải, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ngành, nghề kinh doanh: Thi công xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng, thi công lắp đặt hệ thống điện công nghiệp trong các nhà máy và các tòa nhà dân dụng, hệ thống lạnh, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống chống sét, hệ thống chống đột nhập cho công trình công nghiệp và dân dụng; thi công nhà xưởng, văn phòng, lắp đặt trang thiết bị hiện đại phục vụ cho sản xuất, kinh doanh ngành công nghệ thông tin, những công trình có yêu cầu kỹ thuật cao; nhận đấu thầu thi công các công trình trong nước thuộc các lĩnh vực công nghiệp và dân dụng.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Thịnh Phong, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

2. Công ty TNHH Thanh Mộc

Giấy chứng nhận đầu tư số: 471023000007

- Vốn điều lệ: 2.415.300.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%

- Địa chỉ: K1/41, ấp Tân Bản, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

- Ngành, nghề kinh doanh: Thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Thanh Mộc, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 7.745.730.206 VNĐ (= 9.436.440.206 VNĐ - 1.690.710.000 VNĐ)

3. Công ty TNHH Tường Tuấn

Giấy chứng nhận đầu tư số: 471023000006

- Vốn điều lệ: 2.415.300.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%

- Địa chỉ: Số B8, khu quy hoạch nhà ở, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Ngành, nghề kinh doanh: Thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Tường Tuấn, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 7.142.568.394 VNĐ (= 8.833.278.394 VNĐ – 1.690.710.000 VNĐ)

4. Công ty TNHH Kiến Quốc

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 471023000011
- Vốn điều lệ: 2.415.300.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%
- Địa chỉ: 41/01 Khu Bàu Cá, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Ngành, nghề kinh doanh: Thi công xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiến Quốc, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 2.443.616.899 VNĐ (= 4.132.541.899 VNĐ – 1.688.925.000 VNĐ)

5. Công ty TNHH Kiến Giai

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 451023000011
- Vốn điều lệ: 2.418.900.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%
- Địa chỉ: 52/D26, đường Trần Văn Trà, KP.2, P1, TX Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Ngành, nghề kinh doanh: Thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiến Giai, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

6. Công ty TNHH tư vấn thiết kế liên hiệp Quốc Tế

Giấy chứng nhận đầu tư số: 411023000022

- Vốn điều lệ: 3.200.000.000 đồng, công ty cổ phần Full Power chiếm 70%
- Địa chỉ: 275B Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngành, nghề kinh doanh: dịch vụ thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế trang trí nội thất, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH tư vấn thiết kế liên hiệp Quốc Tế, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 23.135.581.799 VNĐ (= 25.512.361.799 VNĐ – 2.376.780.000 VNĐ)

7. Công ty TNHH Kiều An

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 471023000008
- Vốn điều lệ: 2.415.300.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%
- Địa chỉ: B4, khu qui hoạch nhà ở, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng An
- Ngành, nghề kinh doanh: Thi công lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, điện dân dụng.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiều An, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 3.285.609.578 VNĐ (= 4.976.319.578 VNĐ – 1.690.710.000 VNĐ)

8. Công ty TNHH Lập Đức

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 411023000026

- Vốn điều lệ: 2.415.300.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%
- Địa chỉ: Số 181 Tôn Thất Hiệp, P12, Q11, TP.Hồ Chí Minh.
- Ngành, nghề kinh doanh: Thi công lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, điện dân dụng.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Lập Đức, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 2.338.396.312 VNĐ (= 4.035.931.312 VNĐ – 1.697.535.000 VNĐ)

9. Công ty TNHH Kiến Lương

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 21-1-0-2-3-000005
- Vốn điều lệ: 2.430.000.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%
- Địa chỉ: Nhà số 1, đường Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, TP.Bắc Ninh

Ngành, nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; trang trí nội thất; Trang trí ngoại thất.

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Kiến Lương, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 5.251.463.040 VNĐ (= 7.034.048.040 VNĐ – 1.782.585.000 VNĐ)

10. Công ty TNHH Lập Thành

- Vốn điều lệ: 2.430.000.000 đồng, Công ty cổ phần Full Power chiếm 70%
- Địa chỉ: Số 1, Ngõ 01, đường Huyền Quang, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Tính đến ngày 31/12/2010, chỉ có Công ty cổ phần Full Power thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH Lập Thành, còn các nhà đầu tư khác chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

11. Công ty TNHH STEEL TECH VIỆT NAM

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 472045000238, ngày 13/09/2007
- Vốn điều lệ: 70 tỷ đồng
- Địa điểm thực hiện dự án: KCN Nhơn Trạch 1, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích đất sử dụng: 5,8 ha
- Mục tiêu và quy mô của dự án: Gia công, chế tạo và lắp ráp khung kèo quy mô 8.000 tấn/năm nhằm cung ứng cho các công trình xây dựng của tập đoàn và tiêu thụ ra bên ngoài, góp phần gia công tốc độ tăng trưởng chung cho tập đoàn Full Power.

Tính đến ngày 31/12/2010, Công ty cổ phần Full Power chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 3.614.811.965 VNĐ

12. Công ty TNHH METAL TECH

- Địa điểm thực hiện dự án: KCN Nhơn Trạch 1, tỉnh Đồng Nai
- Tỷ lệ lợi ích của Full Power: 100%

Tính đến ngày 31/12/2010, Công ty cổ phần Full Power chưa thực hiện việc góp vốn theo quy định trong giấy phép đầu tư.

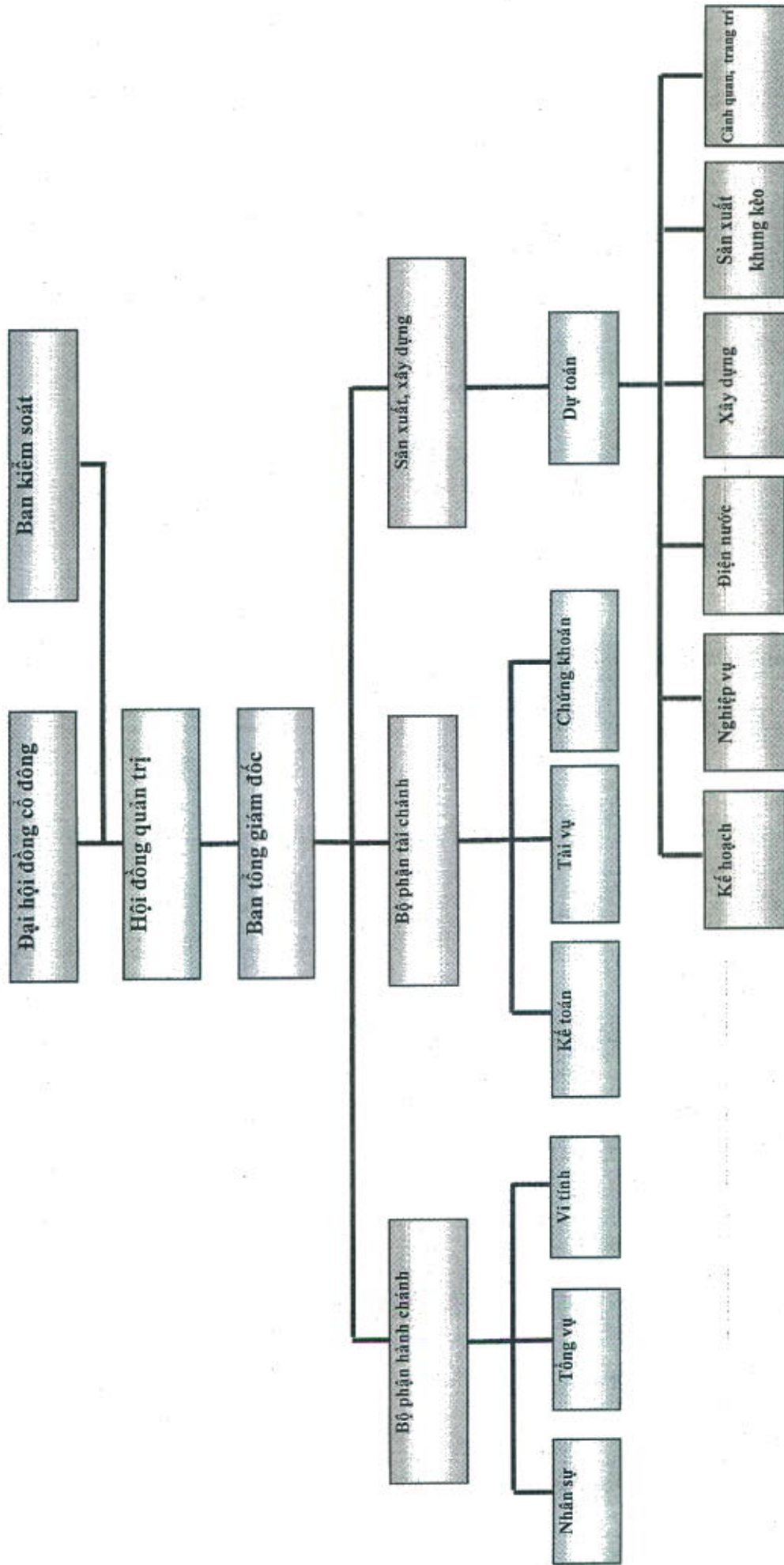
Tính đến ngày 31/12/2010, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 7.645.834.053 VNĐ

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Full Power được thể hiện theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ông Lee Hsien Pin

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty cp Full Power

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 17-5-1973

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan

Dân tộc:

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: 16 DT743, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (0650) 3.775260

Trình độ văn hóa: Đại học

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

3.1. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của công ty tại thời điểm 31/12/2010 là 60 lao động:

Trong nước: 53

Nước ngoài: 07

3.2 Cơ cấu lao động

Trong nước

Trình độ	Năm 2010	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học và cao đẳng	9	15%
Trung cấp	3	5%
Phổ thông	48	80%
Tổng cộng	60	100%

Nước ngoài

Tổng số lao động nước ngoài: 07 (toàn bộ là nam) gồm:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc : 01

Chuyên gia: 06

Tổng số giấy phép lao động đã được cấp: 05

Tổng số giấy phép lao động đã gia hạn 數: 01

Chính sách đối với người lao động.

3.3.1. Chế độ làm việc

a. Thời gian làm việc: các nhân viên văn phòng và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo giờ hành chính, khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

b. Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được phép nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 01 ngày phép.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động

c. Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng. BHXH sẽ chi trả cho người lao động nghỉ thai sản tương ứng 04 tháng lương làm căn cứ đóng BHXH.

d. Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm cho người lao động theo Luật lao động.

3.3.2 Nộp BHXH cho 100% CBCNV

3.3.3 Nộp BHYT cho 100% CBCNV

3.3.4 Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV

3.3.5 Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành

3.3.6. Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động, được tạo nơi ở tại các nhà xưởng sản có tại Công ty

3.3.7 Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên được tạo nhiều điều kiện thuận lợi.

3.3.8 Chính sách tuyển dụng đào tạo

3.3.9 Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, có kinh nghiệm và kỹ năng chuyên ngành, có năng lực và sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc. Tùy thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn xét chọn phù hợp.

3.3.10 Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

3.3.11. Đào tạo nhân viên mới sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

3.3.12 Đào tạo tại nơi làm việc: tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.

Đào tạo không thường xuyên: hàng năm Công ty cử các cán bộ nhân viên tham gia các lớp học có liên quan về quản lý, về chuyên môn để trang bị thêm kiến

thức và trình độ chuyên môn đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.3.13 Chính sách lương, phúc lợi :

- **Chính sách lương:** Công ty trả lương theo thời gian trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả công việc. Công ty xây dựng thang bảng lương riêng phù hợp với trình độ vị trí và chức vụ đảm nhận của người lao động.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với hiệu quả và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Công ty tổ chức bình bầu hàng tháng để đánh giá kết quả lao động của nhân viên, việc xét thưởng sẽ thực hiện nhân các ngày lễ lớn, thưởng hoàn thành kế hoạch quý, 6 tháng, năm, (Tùy theo tình hình tài chính của công ty mà có chính sách thưởng phù hợp).
- **Phúc lợi:** hàng năm Công ty tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ cho cán bộ công nhân viên nhằm duy trì mối quan hệ và nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

VIII. Thông tin cổ đông và Hội Đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010.

1.1 Hội đồng quản trị

a) Thành viên hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 người:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1. Ông LEE CHUNG YI	1964	Chủ tịch HĐQT	
2. Ông LIN YEN CHIANG	1978	Thành viên HĐQT	
3. Ông DEE FU SON	1957	Thành viên HĐQT	
4. Ông CHUANG HUEI JEN	1964	Thành viên HĐQT	
5. Ông LEE HSIEN PIN	1973	Thành viên HĐQT	Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần, tỷ lệ nắm giữ cp của thành viên HĐQT:

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ
1	Ông LEE CHUNG YI	Số 148/5 Tầng 5, đường Trung Hiếu Đông, Khu 4, Đài Bắc	0	

2	Ông LIN YEN CHIANG	9F, No.2, Sec 1, Chengtai Rd, Wugu, Township, Taipei	3,435	0.01%
3	Ông DEE FU SON	12F Lin Shan N. Rd Taipei	0	
4	Ông CHUANG HUEI JEN	Lầu 5, hẻm 52, đường Tín Nghĩa, ấp 17, xã Tây, Thị trấn Phụng Sơn, Huyện Cao Hùng, Đài Loan	0	
5	Ông LEE HSIEN PIN	16 DT743 KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương.	0	
TỔNG CỘNG			3,435	0.01%

1.2 Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ năm 2010 gồm:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1. Ông YEH LI CHUAN	1968	Trưởng ban BKS	
2. Ông LEE YU YU	1957	Thành viên BKS	
3. Bà BAIR SHWU JENG	1957	Thành viên BKS	

a) Hoạt động của ban kiểm soát:

Định kỳ hàng tháng, hoặc bất cứ khi nào cần thiết, Ban kiểm soát đều tiến hành kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Full Power để tìm ra các ưu khuyết điểm và kịp thời phản ánh đến HĐQT.

II. Cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát:

- Kiến nghị cải thiện lại quy trình của Công ty. Các phòng ban nên xem trọng công tác tự kiểm tra tài liệu để tránh sai sót nhằm giảm bớt thời gian của khâu kiểm soát thu chi và nâng cao được hiệu quả công việc.
- Sử dụng linh hoạt hệ thống thông tin kế toán tài vụ, để giảm thiểu công tác kế toán và tránh sai sót, đồng thời kết hợp với hệ thống ERP nhằm tổng hợp quản lý công tác kế toán tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả hơn.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính niên độ 2010 của công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, đã được Công ty kiểm toán AISC kiểm toán và đã được Ban kiểm soát phúc tra lại đều phù hợp với quy định của pháp luật, phản ánh một cách chính xác tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cổ phần Full Power tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Về lý do bị thua lỗ trầm trọng, cũng như giải trình của báo cáo HĐQT, chúng tôi bảo lưu quyền tự mình được kiện trước luật pháp.

IV. Kết quả phối hợp làm việc của ban kiểm soát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị cần không ngừng yêu cầu để nâng cao hiệu lực sản xuất kinh doanh và sức quản lý của công ty, nỗ lực khai phát thị trường và tìm kiếm khách hàng, và tích cực nhận thầu các công trình xây dựng mới, để tăng lợi nhuận kinh doanh cho công ty.

V. **Đánh giá thái độ hợp tác giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông:**

Trong suốt quá trình hoạt động của Ban kiểm soát, HĐQT và Tổng giám đốc đều phối hợp làm việc tốt, thích hợp điều chỉnh phương hướng cũng như là chiến lược kinh doanh của công ty, sáng tạo lợi ích lớn nhất cho toàn thể cổ đông.

2. Các dữ liệu về cổ đông công ty

Các dữ liệu về cổ đông Công ty được sử dụng tại ngày chốt danh sách để tổ chức đại hội cổ đông ngày 19/5/2011.

2.1. Cổ đông trong nước

A. Cơ cấu cổ đông

Đơn vị tính: 10.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước	
	Giá trị	Tỷ lệ(%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	13,703,588	41.53%
1. Cổ đông HĐQT	0	0
2. Cổ đông khác	13,703,588	41.53%

B. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

Tên	Địa chỉ	Số lượng cp	Tỷ lệ
Công ty cổ phần Bảo Gia	Số 257, đường Lê Đại Hành, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh	1,852,270	5.61%
Công ty cp XD-TM Phú Mỹ	Lầu 2, Số 19A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình	7,680,000	23.27%
Công ty cp Phú Đức	Lầu 10, Số 19A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình	2,600,000	7.88%

2.2. Cổ đông nước ngoài

A. Cơ cấu cổ đông

Đơn vị tính: 10.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông nước ngoài	
	Giá trị	Tỷ lệ(%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	19,296,403	58.47%
1. Cổ đông HĐQT	3,435	0.01%
2. Cổ đông khác	19,292,968	58.46%



B. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài

Tên	Địa chỉ	Số lượng cp	Tỷ lệ
CHEN LI HSUN	27C DT743 KCN Sóng Thần II, Bình Dương	2.753.336	8,34%
LIN CHEN HAI	No.5, Lane 23 Ta Hu Chuang Street Nei Hu, Taipei Taiwan	6.160.000	18,67%
YEH LI CHENG	No 100, Linshen North road, Taipei, Taiwan	4.150.000	12,58%
YEH LI CHUAN	No 100, Linshen North road, Taipei, Taiwan	4.150.000	12,58%
	TỔNG CỘNG	17.213.336	52,17%

Bình Dương ngày 27 tháng 6 năm 2011

Tổng giám đốc



Lee Hsien-Pin
LEE HSIEN PIN